

Số: 1806/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển  
Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 27/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về đẩy mạnh phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2865-CV/VPTU ngày 12/3/2018 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 980/STC-TCDN ngày 23/3/2018 về việc đề nghị thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa.

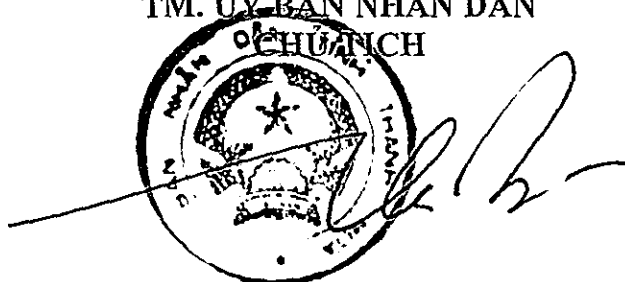
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 5 năm 2018

**ĐỀ ÁN**

**Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa**  
(Kèm theo Quyết định số: 1806 /QĐ-UBND ngày 16/5/2018  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**Phần thứ nhất**

**THỰC TRẠNG, SỰ CẦN THIẾT VÀ CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ**

**I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở THANH HÓA**

Sau hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Luật hợp tác xã và chương trình hành động số 25 -CTr/TU của Tỉnh uỷ Thanh Hóa về phát triển kinh tế tập thể; Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX) tỉnh Thanh Hóa đã có chuyển biến, đạt được những kết quả tích cực cả về phát triển số lượng và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động. Đến hết năm 2017, toàn tỉnh có 927 HTX và 01 Liên hiệp hợp tác xã, trong đó gồm: 585 hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; 92 hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; 11 hợp tác xã xây dựng; 67 quỹ tín dụng nhân dân; 40 hợp tác xã thương mại; 27 hợp tác xã vận tải và 56 hợp tác xã trong lĩnh vực khác. Số Tổ hợp tác xã có 698 Tổ hợp tác (gồm: lĩnh vực nông nghiệp: 50 tổ hợp tác, tổ đoàn kết trên biển 258 tổ hợp tác, tổ tín dụng 378 tổ hợp tác, tổ nuôi trồng thủy sản 2 tổ hợp tác, thủ công nghiệp có 3 tổ hợp tác, tổ xây dựng 3 tổ, tổ khác 4 tổ hợp tác).

Tổng doanh thu của hợp tác xã năm 2017 đạt 6.456,5 tỷ đồng (bình quân lĩnh vực nông nghiệp 1.100 triệu đồng/HTX, lĩnh vực phi nông nghiệp 4.700 triệu đồng/HTX, Quỹ TDND 71 tỷ đồng/Quỹ, lĩnh vực khác 1.000 đồng/HTX)

Lợi nhuận bình quân đạt 132 triệu đồng/HTX/năm (lĩnh vực nông nghiệp 119 triệu đồng/HTX, lĩnh vực phi nông nghiệp 263 triệu đồng/HTX, Quỹ TDND 746 triệu đồng/Quỹ)

Thu nhập bình quân của thành viên, lao động đạt 24,0 triệu đồng/người/năm (lĩnh vực nông nghiệp 21,8 triệu đồng/người, lĩnh vực phi nông nghiệp 50 triệu đồng/người, Quỹ TDND 70 triệu đồng/người)

Về chất lượng hoạt động, kết quả phân loại HTX năm 2017 như sau:

- + HTX khá, giỏi: 390 HTX, chiếm 42,1%
- + HTX trung bình: 385 HTX, chiếm 41,5%
- + HTX yếu, kém: 152 HTX, chiếm 16,4%

Về vốn hoạt động của HTX:

+ Tổng vốn hoạt động của HTX: 5.415,27 tỷ đồng (lĩnh vực nông nghiệp 131 tỷ đồng, lĩnh vực phi nông nghiệp 183,77 tỷ đồng, Quỹ TDND 5.091,5 tỷ đồng, lĩnh vực khác 9 tỷ đồng/HTX).

Theo thống kê, ngoài lĩnh vực Quỹ TDND có nguồn vốn lớn (chiếm 94% tổng nguồn vốn toàn khu vực HTX), các lĩnh vực HTX khác nguồn vốn hình thành ban đầu chủ yếu từ nguồn vốn của HTX cũ chuyển sang. Hầu hết các HTX, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, đều thiếu vốn hoạt động.

Về quy mô hoạt động của các HTX: Nhìn chung hầu hết các HTX trong tỉnh có quy mô nhỏ. Trong lĩnh vực nông nghiệp, có 35,68 % HTX thực hiện được từ 6 khâu dịch vụ trở lên; 38% HTX thực hiện được từ 4 đến 5 khâu dịch vụ; số còn lại chỉ tổ chức được từ 1 đến 2 khâu dịch vụ; có khoảng 66% HTX đã thực hiện dịch vụ giống cây trồng; 59% HTX dịch vụ vật tư và hiện mới có 17,8% HTX tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã của Đảng, Nhà nước, nhìn chung các HTX đã có nhiều đổi mới, hiệu quả hơn. Hoạt động của các HTX được mở rộng và đa dạng cả về quy mô, loại hình đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của thành viên. Nhiều HTX thể hiện được vai trò nòng cốt, là chỗ dựa tin cậy cho thành viên và nhân dân trong tiếp thu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cung ứng các dịch vụ như: thủy lợi, giống cây - con, bảo vệ thực vật, vốn... Nhiều HTX kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và bổ sung vốn điều lệ, đầu tư mở rộng sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cho HTX và thành viên...

Tuy nhiên, do trình độ, năng lực cán bộ quản lý HTX còn hạn chế, nguồn lực của HTX nhỏ bé chưa đáp ứng được đòi hỏi và nhu cầu của thành viên, còn khá nhiều HTX còn lúng túng trong định hướng phát triển sản xuất - kinh doanh, dịch vụ nên chưa hấp dẫn thành viên và người lao động, chưa thực sự hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển theo định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, trong đó phải kể đến các chính sách, nguồn lực hỗ trợ kinh tế tập thể, HTX của nhà nước còn thiếu đồng bộ, chưa sát thực tế, chưa đủ tạo động lực cho HTX vươn lên... Vì vậy, chưa hỗ trợ và tạo điều kiện hiệu quả cho kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX phát triển theo mục tiêu của Đảng và Nhà nước.

## **II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THÀNH LẬP QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH**

**1. Tình hình thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã ở các địa phương trong cả nước**

- Ở các tỉnh, thành phố trong nước, theo số liệu tổng hợp của Liên minh HTX Việt Nam, tính đến tháng 12/2017, cả nước đã có 47 tỉnh, thành phố thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đầu tiên thành lập Quỹ vào tháng 6/2002. Tiếp đến là Tiền Giang thành lập Quỹ tháng 6/2004, An Giang tháng 7/2004, Đắk Lắk tháng 4/2007, Hà Nội tháng 01/2008. Quỹ thành lập gần nhất (tháng 9/2017) là Bình Định. Qua hơn 15 năm xây dựng và phát triển, đến tháng 12/2017, tổng vốn điều lệ (VĐL) thực có của hệ thống Quỹ đạt 652,050 tỷ đồng, bình quân đạt 13,87 tỷ/Quỹ. Tổng nguồn vốn hoạt động đạt 1.133.471 tỷ đồng, bình quân đạt 24,12 tỷ đồng. Cả nước có 24 Quỹ có VĐL đạt trên 10 tỷ đồng, 11 Quỹ có VĐL đạt 5-8 tỷ đồng, 12 Quỹ có VĐL đạt dưới 5 tỷ đồng. Một số Quỹ có VĐL khá cao (vốn ngân sách cấp) là Quỹ TP Hồ Chí Minh 145 tỷ đồng, Hà Nội 125 tỷ đồng, Bình Dương 50 tỷ đồng, Vĩnh Phúc 40 tỷ đồng, Đồng Nai 30 tỷ đồng, Quảng Ngãi 27 tỷ đồng, Quảng Nam 25 tỷ đồng, Tây Ninh 20 tỷ đồng,...

Ngoài hoạt động từ vốn điều lệ, cả nước chỉ có 10 Quỹ có thêm nguồn vốn khác, với số tiền là 467,621 tỷ đồng. Trong đó, Quỹ TP Hồ Chí Minh đạt 455 tỷ đồng (chiếm 97,4%), các Quỹ Đồng Nai đạt 02 tỷ đồng, Vĩnh Phúc đạt 3,725 tỷ đồng, Quảng Trị đạt 02 tỷ đồng, Hải Phòng đạt 1,496 tỷ đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu đạt 02 tỷ đồng, Cà Mau 500 triệu đồng và Lâm Đồng 200 triệu đồng; các Quỹ còn lại hoạt động chỉ bằng nguồn vốn điều lệ.

## **2. Vai trò của HTX đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**

Là tổ chức kinh tế cộng đồng, các HTX đã thu hút sự tham gia của trên 343 ngàn thành viên (chiếm trên 70% số hộ nông nghiệp nông thôn). Mặc dù còn khó khăn trong củng cố và phát triển, song HTX đã từng bước khẳng định được vai trò vị trí của mình, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế, ổn định chính trị và giữ vững trật tự an toàn xã hội.

### **2.1. Về kinh tế**

- Khu vực kinh tế hợp tác, HTX đã có những đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GRDP chung của toàn tỉnh.

- Các HTX đã thực sự thúc đẩy kinh tế hộ phát triển, tạo mối liên kết, hợp tác giữa các cơ sở sản xuất với nhau. Hoạt động của các HTX đã trực tiếp đóng góp có hiệu quả vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ KHKT, duy trì và phát triển ngành nghề mới, ngành nghề truyền thống ở địa phương (góp phần để cả tỉnh đạt mục tiêu hơn 1,6 triệu tấn lương thực, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; các nghề chế biến cói đay, mây tre đan, lâm sản, khoáng sản...).

- Đảm bảo thu nhập ổn định cho thành viên và người lao động trong HTX, đồng thời tạo việc làm và nguồn thu nhập cho hàng nghìn người làm việc theo thời vụ hoặc làm gia công cho các HTX.

- Làm đầu mối hướng dẫn các hộ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trên các lĩnh vực giống, vật tư, nguyên liệu, phát triển ngành nghề, tạo thu nhập cao trên một diện tích canh tác, góp phần tác động mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- Góp phần tích cực vào chương trình phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tăng cường một bước lực lượng sản xuất, trên cơ sở huy động được hàng trăm tỷ đồng bằng nguồn lực tài chính từ các hộ thành viên đầu tư vào phát triển sản xuất- kinh doanh. Trong những năm qua, các HTX đã tích cực tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thể hiện trên một số nội dung như: bước đầu đảm nhiệm các khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên; đóng góp tích cực vào cải tạo và xây dựng các công trình kết cấu kinh tế - xã hội (công trình giao thông, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, xây dựng tu bổ các trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...).

## 2.2. Về xã hội

- Với tính chất là tổ chức kinh tế - xã hội, ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế đã phát huy được vai trò xã hội của mình trong việc giải quyết việc làm cho hàng chục vạn lao động, đề cao lối sống vì cộng đồng, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất - kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở các vùng dân cư, thực hiện tốt việc phát triển kinh tế gắn với vấn đề giữ gìn bảo vệ môi trường. Ở những địa bàn có HTX, ngoài việc đóng góp có hiệu quả cho kinh tế địa phương phát triển, quan hệ giữa chính quyền với người dân đoàn kết, gắn bó, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của địa phương được triển khai thuận lợi và đầy đủ, thành viên dễ dàng tiếp cận hơn với những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và do đó sẽ có lợi hơn trong sản xuất, kinh doanh nói chung, tiêu thụ hàng nông sản nói riêng, góp phần tạo ra thể chế quản lý dân chủ từ cơ sở, ổn định và đảm bảo an sinh xã hội.

- Các HTX còn là nơi giáo dục, phổ cập ý thức cộng đồng, tôn vinh các giá trị nhân văn của người lao động, phát huy tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, hỗ trợ giúp đỡ nhau cùng làm giàu, nâng đỡ các gia đình khó khăn, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Nhiều HTX đã đảm nhận tốt các vấn đề xã hội, từ thiện nhằm hỗ trợ thành viên như tổ chức tang lễ, thăm hỏi khi xã viên ốm đau, các dịp lễ tết, chăm sóc các gia đình chính sách, đào tạo nghề cho các hộ nông dân để chuyển hướng phát triển sản xuất, huy động kinh phí giúp con em các hộ thành viên nghèo có điều kiện học tập... Góp phần ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, tham gia củng cố hệ thống chính trị trên địa bàn dân cư.

## 3. Hạn chế, yếu kém trong hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh

- Năng lực nội tại hạn chế, quy mô nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc

thiết bị cũ, trình độ công nghệ lạc hậu, sản xuất thủ công là phổ biến, do vậy năng suất, chất lượng sản phẩm thấp, kém sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Tỷ lệ cơ khí hóa, tự động hóa sản xuất trong các HTX thấp hơn các khu vực kinh tế khác.

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của thành phần kinh tế này, phần lớn không có khả năng tích lũy từ nội bộ để tái đầu tư.

- Thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn, thiếu điều kiện để tiếp cận thông tin, dự báo về thị trường, sản phẩm làm ra thiếu sức cạnh tranh, phần lớn chưa có khả năng trực tiếp xuất khẩu nên hiệu quả sản xuất thấp. Việc hình thành chuỗi giá trị trong các HTX còn rất hạn chế.

#### **4. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém**

Những hạn chế, tồn tại trên là do nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Trong các nguyên nhân khách quan có nguyên nhân là do các HTX gặp khó khăn trong việc tiếp cận được các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng. Theo tổng hợp điều tra, hiện nay nhu cầu vốn để đầu tư của các HTX rất lớn, đặc biệt là nhu cầu vốn trung và dài hạn để đầu tư phát triển, tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã sản phẩm, nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và khả năng xuất khẩu. Nhu cầu vốn đầu tư hàng năm của các HTX trong tỉnh lên đến hàng chục tỷ đồng. Trong thời gian vừa qua, các cấp, các ngành và Liên minh HTX tỉnh nhận được rất nhiều đề nghị, đề xuất tư vấn và hỗ trợ vay vốn của các HTX trong tỉnh. Đây là một trong những yêu cầu bức xúc và là yếu tố quyết định đối với sự phát triển HTX trong những năm tới.

Theo thống kê, chỉ có khoảng 15% các HTX có quan hệ và vay được vốn của các tổ chức tín dụng. Các HTX được vay vốn tín dụng ngân hàng chủ yếu để trang trải nhu cầu vốn ngắn hạn, chưa có điều kiện tiếp cận vốn vay trung và dài hạn để đầu tư cơ sở vật chất cho phát triển lâu dài. Thực tế, việc vay vốn qua các tổ chức tín dụng là rất khó khăn do thông tin hạn chế, thời gian xét duyệt kéo dài, là đối tượng khách hàng được coi là yếu thế... nên các HTX không đủ điều kiện vay vốn ngân hàng, nhất là các HTX khu vực nông thôn, nông nghiệp. Để khắc phục tình trạng này, nhiều HTX đã phải thực hiện huy động vốn trong nội bộ với món nhỏ hoặc phải vay nóng của tư nhân, với lãi suất cao, thời hạn vay ngắn, không đủ điều kiện để đầu tư chiều sâu hoặc mở rộng sản xuất - kinh doanh, điều này gây ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất - kinh doanh của HTX cũng như thu nhập của thành viên và người lao động.

- Với điều kiện đặc thù của kinh tế HTX thì cơ chế tín dụng hiện nay chưa phù hợp. Trong khi nhu cầu vay vốn để đầu tư của mỗi HTX không lớn nhưng lại phải tính đến mục tiêu dài hạn bởi mục tiêu lợi nhuận chỉ là một trong các mục tiêu của HTX. Đối với kinh tế Hợp tác xã, thì ngoài lợi nhuận, HTX

còn phải chú trọng quan tâm đến các mục tiêu xã hội, vì lợi ích và sự phát triển chung của thành viên trong HTX, của cộng đồng. Vì thế HTX không thể thu hồi vốn nhanh, phải có thời gian bù đắp. Trong khi đó Ngân hàng chủ yếu tập trung vào các món vay lớn, vay ngắn hạn.

- Các chương trình hỗ trợ của nhà nước phần lớn chỉ tập trung vào đối tượng là hộ gia đình nông dân, chưa chú trọng đến việc cho vay đối với các HTX.

- HTX là tổ chức kinh tế cộng đồng, tự chủ, tự quản và tự chịu trách nhiệm. Địa vị pháp lý của thành viên trong HTX là bình đẳng, không lệ thuộc vào số vốn góp. Hiện nay phần vốn chủ sở hữu chung (sở hữu tập thể) của đa phần các HTX không lớn, nên tài sản thế chấp để vay vốn ngân hàng bị hạn chế.

- Do sự nhìn nhận, đánh giá chưa đúng mức về vai trò và vị trí kinh tế tập thể trong cơ chế thị trường, những mặc cảm do mô hình HTX kiểu cũ để lại, bản thân nhiều HTX hiện nay vẫn đang trong tình trạng yếu kém, có HTX tuy đã chuyển đổi, tổ chức lại nhưng còn hình thức dẫn đến ngân hàng, tổ chức tín dụng còn ngại cho vay đối với loại hình HTX.

- Ban quản lý các HTX còn thiếu kinh nghiệm, phương pháp, kỹ năng lập dự án để tiếp nhận các nguồn vốn tín dụng.

## **5. Hiệu quả của việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã**

### **5.1. Hiệu quả về mặt kinh tế:**

Quỹ ra đời sẽ tạo điều kiện cho các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được vay vốn thuận lợi từ Quỹ với lãi suất ưu đãi, các Hợp tác xã sẽ có điều kiện để đầu tư đổi mới trang thiết bị, công cụ mở rộng sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ, cải tiến mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hoá, dịch vụ, cải thiện điều kiện môi trường làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

### **5.2. Hiệu quả về mặt xã hội:**

Hợp tác xã có vốn, tạo việc làm cho thành viên và nông dân, thu hút được đông đảo lực lượng lao động di cư trong khu vực nông thôn tham gia lao động sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

**Tóm lại:** Từ thực trạng, đánh giá và phân tích trên, việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Thanh Hóa là hết sức cần thiết. Sau khi Quỹ đi vào hoạt động sẽ hỗ trợ tích cực cho các HTX đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh từ sản phẩm hàng hóa của HTX, tăng thêm thu nhập và việc làm cho thành viên và người lao động, hỗ trợ tích cực cho kinh tế hộ phát triển. Từ đó góp phần củng cố và phát triển HTX, tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự ở khu vực dân cư nông thôn, thực hiện xóa đói giảm nghèo theo các mục tiêu phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh đề ra. Đồng thời, việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh cũng nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa IX), Kết luận 56-KL/TW của Bộ Chính trị, Luật HTX năm 2012, Nghị định 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 của Chính phủ, Chỉ thị 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 18/CT-UBND của UBND tỉnh, Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững, Kế hoạch 119-KH/UBND của UBND tỉnh thực hiện Kết luận 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể của tỉnh, Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả HTX nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2015-2020.

### III. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ THÀNH LẬP QUỸ

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

- Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 193/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 27/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã;

- Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

- Quyết định số 246/2006/QĐ- TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

- Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 30/7/2002 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCHTW Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 06/11/2013 của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015-2020;



- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2015-2020;

- Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về đẩy mạnh phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

- Thông báo kết luận số 89/TB-UBND ngày 06/6/2016 về Đề án thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh.

- Công văn số 67/BCS-UBND ngày 18/8/2016 Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Thanh Hóa.

- Công văn số 1129-CV/VPTU ngày 07/10/2016 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy;

- Thông báo số 55/TB-UBND ngày 31/3/2017 về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền tại Hội nghị Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh; Thông báo số 113/TB-UBND ngày 19/6/2017 về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền tại Hội nghị sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Thông báo số 585/TB-VPCP ngày 19/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại cuộc họp trực tuyến toàn quốc sơ kết 05 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Căn cứ Công văn số 2865-CV/VPTU ngày 12/3/2018 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa.

## **Phần thứ hai**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH THANH HÓA**

#### **I. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

- Tên gọi: Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa.
- Tên giao dịch tiếng Anh: Thanh Hoa Cooperative Assistance Fund.
- Tên viết tắt Tiếng Anh: TH CAF.
- Trụ sở hoạt động của Quỹ: Đặt tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa.
- Vị trí pháp lý: Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa là tổ

chức tài chính Nhà nước, do Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định thành lập và chịu sự quản lý của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, có bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

- Mục đích hoạt động:

Hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã nhằm mục đích hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, hỗ trợ các hoạt động đổi mới phát triển sản phẩm; đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã mới, các mô hình Hợp tác xã điển hình tiên tiến.

- Nguyên tắc hoạt động:

Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn vốn và tự bù đắp chi phí quản lý hoạt động.

Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã theo đúng mục đích hoạt động.

- Phạm vi hoạt động của Quỹ: Quỹ hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

### **1. Nhiệm vụ của Quỹ**

1.1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách tỉnh giao.

1.2. Huy động vốn đóng góp tự nguyện của các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã; các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, để tạo nguồn vốn hỗ trợ phát triển các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

1.3. Hoạt động đúng mục đích, đúng đối tượng, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế-xã hội của Quỹ.

1.4. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

1.5. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư đối với các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh; hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng

khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

1.6. Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước.

1.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

## **2. Quyền hạn của Quỹ**

2.1. Được huy động, quản lý, sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ.

2.2. Được quyền lựa chọn các dự án, phương án để cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh.

2.3. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn Quỹ.

2.4. Được yêu cầu các đơn vị có dự án, phương án đang được Quỹ xem xét hoặc đã được Quỹ cho vay vốn cung cấp thông tin có liên quan về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng.

2.5. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ của Quỹ cũng như những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án của các đối tượng vay vốn Quỹ.

2.6. Đình chỉ việc hỗ trợ, cho vay hoặc thu hồi vốn trước thời hạn, phát mại tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm các cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2.7. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, nguồn tài chính, nhân lực của Quỹ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, nếu những yêu cầu đó trái với quy định của Quy chế và quy định của pháp luật.

2.8. Quan hệ trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ.

## **III. NGUỒN VỐN CỦA QUỸ**

### **1. Vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ do Ngân sách tỉnh cấp là: 15 tỷ đồng và được cấp trong năm đầu sau khi thành lập Quỹ.

- Vốn điều lệ được bổ sung từ phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi hàng năm theo quy định hiện hành.

- Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Tài chính.

## **2. Các nguồn vốn khác**

- Các khoản đóng góp tự nguyện của Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

- Các khoản đóng góp tự nguyện, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Vốn ủy thác: Bao gồm các nguồn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, từ các tổ chức, cá nhân, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã trong và ngoài nước, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ đầu tư phát triển... để hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

- Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

- Các khoản vốn huy động khác theo quy định của pháp luật.

## **IV. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước giao để hỗ trợ cho kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

- Cho vay đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh với lãi suất hỗ trợ theo quy định.

- Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc.

- Nhận ủy thác và ủy thác.

- Huy động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, nguồn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ, thực hiện hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ.

- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ nhưng không được đầu tư chứng khoán hoặc góp vốn dưới hình thức kinh doanh chứng khoán.

### **1. Cho vay đầu tư với lãi suất ưu đãi**

#### **1.1. Đối tượng được vay vốn:**

Các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư) có trụ sở chính và tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong đó:

- Tổ hợp tác hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác;

- Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012;

Chủ đầu tư có nhu cầu về vốn, có năng lực sản xuất, làm ăn có hiệu quả,

có khả năng tạo dựng công việc sản xuất kinh doanh, giải quyết thêm việc làm cho người lao động. Có phương án vay vốn đầu tư khả thi về: đổi mới phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến.

Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn và định hướng phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quy định cụ thể danh mục ưu tiên cho vay trong từng thời kỳ.

### 1.2. Điều kiện vay vốn:

a) Có phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ khả thi, có khả năng tài chính đảm bảo trả được nợ gốc và lãi trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị vay vốn.

b) Trường hợp đáo hạn hoặc vay tiếp lần sau phải chứng minh có phương án kinh doanh khả thi, đã hoàn trả vốn và lãi đúng hạn trong các lần vay trước.

c) Có nguồn vốn chủ sở hữu, cơ sở vật chất kỹ thuật để triển khai sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư.

d) Có tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ dự án, tài sản hình thành từ vốn vay hoặc hình thức đảm bảo tiền vay bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản hợp pháp của bên thứ ba hoặc dùng các giấy tờ có giá trị.

e) Cam kết sử dụng tiền vay để phát triển hay cùng phát triển sản xuất kinh doanh theo định hướng chung của Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

f) Thông suốt và chấp nhận các quy định của Quỹ trong việc hoàn trả vốn và lãi đúng hạn.

g) Có hồ sơ vay vốn được Quỹ thẩm định và chấp nhận.

### 1.3. Mức vốn cho vay:

Mức cho vay vốn đối với từng dự án cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định, nhưng tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư và không quá 500 triệu đồng đối với một dự án của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã; không quá 300 triệu đồng đối với một dự án của Tổ hợp tác.

1.4. Lãi suất cho vay thực hiện theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BTC ngày 11/7/2007 của Bộ Tài chính về lãi suất cho vay vốn Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và được điều chỉnh theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

### 1.5. Thời hạn cho vay:

Do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với đặc điểm của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 03 năm và áp dụng phương thức phân kỳ vốn vay.

#### 1.6. Bảo đảm tiền vay:

a) Bên vay phải dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, tài sản hình thành từ vốn vay hoặc hình thức đảm bảo tiền vay bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tài sản hợp pháp của bên thứ ba hoặc dùng các giấy tờ có giá trị như: Sổ tiết kiệm, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu của các Ngân hàng thương mại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo cho số tiền vay. Tài sản đảm bảo tiền vay phải có giá trị lớn hơn hoặc bằng 120% số tiền vay.

b) Tài sản đảm bảo tiền vay, trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và quy định của Quỹ do Giám đốc Quỹ ban hành.

c) Trong trường hợp việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản phải được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Giám đốc Quỹ.

#### 1.7. Tổ chức cho vay:

##### a) Thẩm định và tổ chức cho vay vốn:

- Giám đốc Quỹ nghiên cứu ban hành quy định về thủ tục xét duyệt cho vay vốn cụ thể, quy trình thẩm định, quyết định cho vay đầu tư và tổ chức cho vay vốn phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng giai đoạn.

- Công tác thẩm định cho vay vốn do Giám đốc Quỹ chủ trì, phối hợp với các chuyên gia và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

- Giám đốc Quỹ quyết định cho vay và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư có mức vay không quá 70% mức cho vay quy định tại điểm 1.3 mục này; nếu mức cho vay lớn hơn phải trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

##### b) Một số nội dung chính về thẩm định dự án vay vốn:

- Cơ sở pháp lý của chủ đầu tư:

+ Đối với Tổ hợp tác: Các Tổ hợp tác thành lập và hoạt động phải đúng theo tinh thần Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác và Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP.

+ Đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã phải thực hiện chuyển tiếp theo Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Điều lệ (bản sao); danh sách Hội đồng quản trị, danh sách thành viên, người đại diện theo pháp luật; Nghị quyết Đại hội thành viên Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã về việc vay vốn đầu tư của Quỹ.

+ Chủ đầu tư phải có trụ sở chính và hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Hồ sơ vay vốn:

Do Giám đốc Quỹ quy định chi tiết danh mục mẫu biểu, nội dung Hồ sơ vay vốn cho từng đối tượng, từng loại hình, từng ngành nghề phù hợp với đặc điểm từng giai đoạn cụ thể.

- Nội dung chính về thẩm định:

+ Thẩm định hồ sơ: Kiểm tra, đánh giá đầy đủ, tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn do chủ đầu tư cung cấp;

+ Thẩm định chủ đầu tư: Đánh giá uy tín, năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh và khả năng triển khai dự án;

+ Thẩm định mục đích sử dụng vốn vay; mức vốn đề nghị cho vay;

+ Thẩm định dự án đầu tư và kế hoạch trả nợ vốn vay: Đánh giá sản phẩm, thị trường, hiệu quả kinh tế - xã hội của Dự án đầu tư; tính khả thi của kế hoạch trả nợ vốn vay; các rủi ro gắn với khoản vay và các phương án hạn chế rủi ro;

+ Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay: Đánh giá tính hợp pháp, giá trị và khả năng quản lý, chuyển nhượng của tài sản đảm bảo;

+ Phân tích phương án tài chính của Dự án;

+ Kết luận và kiến nghị (nếu có).

1.8. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Đối với những dự án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay thì được xem xét, xử lý rủi ro theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp chủ dự án chưa đủ khả năng trả nợ (cả gốc và lãi) do khách quan bất khả kháng có văn bản xin gia hạn nợ được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc gia hạn nợ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, thời hạn gia hạn nợ tối đa là 12 tháng, kể từ ngày có quyết định gia hạn.

c) Trường hợp chủ dự án không trả hết nợ gốc trong thời hạn cho vay theo hợp đồng tín dụng và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc gia hạn nợ, quá 10 ngày kể từ ngày đáo hạn, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Chủ dự án chịu phạt mức lãi suất áp dụng 150% lãi suất trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc chậm trả.

d) Trường hợp chủ dự án có điều kiện trả nợ nhưng cố tình không trả nợ thì Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện chủ dự án ra tòa án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật.

e) Xóa nợ: Việc xóa nợ gốc, lãi do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết

định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Hình thức này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a, mục 1.8 nêu trên nhưng chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

## **2. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc**

2.1. Đối tượng được Quỹ xem xét hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc là các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ, có phương án hoạt động khả thi để đổi mới và phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; đầu tư thành lập mới; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến.

2.2. Điều kiện hỗ trợ, hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ, thu hồi vốn thực hiện theo Quy chế cho vay, hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

2.3. Hạn mức hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ tùy thuộc vào từng dự án nhưng bảo đảm mức tối đa 80% kinh phí thực hiện đối với một dự án.

b) Thẩm quyền quyết định hạn mức hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ:

- Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ từ 100 triệu đồng trở xuống và tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện đối với một dự án.

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ, tài trợ trên 100 triệu đồng và không quá 05 % tổng vốn hoạt động của Quỹ. Trường hợp vượt quá 05% tổng vốn hoạt động của Quỹ phải được tập thể Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

2.4. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định thời hạn hoàn lại khoản hỗ trợ đối với từng dự án, nhưng không quá 03 năm.

2.5. Để bù đắp chi phí, Quỹ được thu phí quản lý khi thực hiện hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc cho các phương án xin hỗ trợ của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã. Mức phí quản lý bằng 02%/năm/số vốn hỗ trợ có hoàn lại.

2.6. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro đối với việc hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc:

a) Trường hợp phương án được hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn hỗ trợ thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: khoan nợ, xóa nợ.

b) Việc khoan nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.



- Thời hạn khoan nợ tối đa là 03 năm. Trong thời hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ không phải trả phí quản lý phát sinh, nhưng có trách nhiệm trả số phí quản lý còn nợ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, đơn vị được khoan nợ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc được khoan nợ.

- Hết thời hạn khoan nợ, nếu đơn vị được hỗ trợ có điều kiện trả nợ nhưng cố tình chây ì không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện ra tòa án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật; nếu đơn vị được hỗ trợ thực sự không còn khả năng trả nợ thì Quỹ xem xét để xử lý xóa nợ theo quy định.

c) Việc xóa nợ do Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Hình thức này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a, mục 2.6 nêu trên nhưng chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

### **3. Nhận ủy thác và ủy thác**

#### **3.1. Nhận ủy thác:**

a) Quỹ được nhận ủy thác cho vay, tài trợ hoạt động đối với Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

b) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác.

#### **3.2. Ủy thác:**

a) Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện việc cho vay, hỗ trợ theo hợp đồng ủy thác.

b) Phí ủy thác Quỹ trả cho các tổ chức nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

### **4. Viện trợ, tài trợ**

Quỹ được tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã theo mục đích, yêu cầu của Nhà tài trợ, nhưng không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

## **V. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ**

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và bộ máy điều hành Quỹ.

Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và bộ máy điều hành được quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

### **1. Hội đồng quản lý Quỹ**

1.1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý là Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh, các thành viên khác là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa và Giám đốc Quỹ.

Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh.

Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm (trừ Giám đốc Quỹ hoạt động chuyên trách), được hưởng các chế độ và quyền lợi khác theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

## 2.2. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 03 trong 05 thành viên của Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi vào biên bản hoặc Nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

## 2.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Quyết định và chịu trách nhiệm các vấn đề về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động, kế hoạch phát triển, kế hoạch tài chính, thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ; Quy chế cho vay, thu hồi nợ, hỗ trợ; Quy chế miễn, giảm, xóa nợ; Quyết định về việc tuyển dụng và chính sách đối với cán bộ Quỹ; và các quy chế về hoạt động nghiệp vụ khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

d) Phê duyệt chương trình hoạt động của Ban kiểm soát; xem xét báo cáo kết quả kiểm soát của Ban kiểm soát.

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

g) Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, xem xét và quyết định cơ cấu

tổ chức, bộ máy điều hành, quyết định thành lập, giải thể các bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành.

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó giám đốc, kế toán trưởng của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ; Trưởng Ban kiểm soát; các thành viên Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

i) Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

l) Được sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định.

#### 2.4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại điểm 2.3 nêu trên;

- Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

- Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

- Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các nhiệm vụ được ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người khác về các nhiệm vụ đã được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền thực hiện.

### 3. Ban kiểm soát Quỹ

3.1. Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, gồm: Trưởng Ban và 02 thành viên.

a) Trưởng Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các thành viên khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

b) Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm, được hưởng các chế độ, quyền lợi theo quy định của pháp luật; thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên

Ban kiểm soát không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán Quỹ.

### 3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý;

c) Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng ban Kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết;

d) Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ;

e) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép;

g) Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

## 4. Bộ máy điều hành Quỹ

4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Quỹ gồm: Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ.

Cơ cấu tổ chức, các bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

4.2. Biên chế bộ máy điều hành Quỹ: Số người làm việc của Bộ máy điều hành Quỹ nằm trong tổng số người làm việc của Liên minh Hợp tác xã tỉnh được UBND tỉnh giao hàng năm. Trường hợp khi có nhu cầu thật sự cần thiết mà phải hợp đồng lao động, Giám đốc Quỹ xây dựng phương án báo cáo Liên minh hợp tác xã tỉnh thống nhất để gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến trước khi ký hợp đồng lao động với từng trường hợp cụ thể. Kinh phí chi trả cho lao động hợp đồng được trích từ nguồn thu của Quỹ, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, của UBND tỉnh.

### 4.3. Giám đốc Quỹ

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách

nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

- Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

- Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

- Quyết định cho vay và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý, sử dụng của Quỹ;

- Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ;

- Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền Quy chế của Quỹ và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản lý sử dụng của Quỹ và các quy định của pháp luật.

#### 4.4. Phó Giám đốc Quỹ

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ theo sự phân công và ủy nhiệm của Giám đốc Quỹ; do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

#### 4.5. Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ Quỹ

Bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ Quỹ gồm: Kế toán, thủ quỹ, các cán bộ tín dụng - thẩm định trong biên chế và cán bộ hợp đồng thời vụ.

Việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản lý Quỹ.

### VI. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

#### 1. Chế độ tài chính

- Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo các quy định pháp luật của Nhà nước và của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

- Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

- Các khoản thu, chi tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ theo quy định được tính vào khoản chi thường xuyên của Quỹ.

- Quỹ tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động cho bộ máy quản lý và điều hành từ nguồn thu của Quỹ. Trong thời gian 03 năm đầu hoạt động, trường hợp các khoản thu của Quỹ không đủ bù đắp chi phí, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Liên minh HTX tỉnh và Sở Tài chính để trình UBND tỉnh xem xét, xử lý cụ thể.

## **2. Công tác kế toán, kiểm toán**

2.1. Chế độ kế toán của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập các báo cáo nghiệp vụ, thống kê, kế toán và các báo cáo định kỳ, đột xuất gửi UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan theo quy định hiện hành. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phê duyệt báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ.

2.2. Chế độ kiểm toán: Quỹ tự tổ chức kiểm toán hoạt động của Quỹ hoặc thuê kiểm toán độc lập.

## **3. Trích lập quỹ**

Quỹ được trích lập các quỹ: Quỹ dự phòng rủi ro; quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi từ thu nhập tài chính theo quy định hiện hành.

## **Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh quyết định thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh và ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ, Quy chế quản lý tài chính Quỹ.

- Sau khi có quyết định thành lập Quỹ, Sở Tài chính tham mưu cấp vốn điều lệ cho Quỹ; hàng năm trên cơ sở căn cứ đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, tham mưu cho UBND tỉnh cấp bổ sung vốn cho Quỹ. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính đối với hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ và bổ nhiệm chức danh Giám đốc Quỹ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

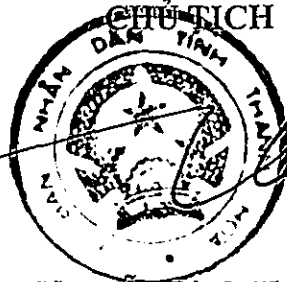
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên

quan trọng việc cân đối, bố trí dự toán ngân sách tình hàng năm bổ sung cho Quỹ. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thanh Hóa thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ sau khi được thành lập.

5. Các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị, thành phố có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong quá trình triển khai hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa sau khi được thành lập./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Đình Xứng